

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06** /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **26** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 714/TTr- STC ngày 25 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung công tác quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo các quy định của Luật Giá và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 2. Bình ổn giá

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa dịch vụ đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Giá và Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật về bình ổn giá.

3. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Định giá và thực hiện việc thẩm định phương án giá

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực tổng kết, đánh giá về tình hình cung cầu, diễn biến giá cả thị trường của hàng hóa dịch vụ,

thực trạng biện pháp quản lý giá, công tác định giá của Nhà nước, đồng thời đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Luật Giá và Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

3. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong các trường hợp sau:

- a) Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá.
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa.
- c) Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến của Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và trình văn bản định giá trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể đối với:

a) Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đặt hàng.

b) Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện và cấp xã.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá.

6. Đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ công xây dựng phương án giá hàng hóa dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) cho ý kiến đối với phương án giá đã xây dựng trước khi trình Sở, cơ quan quản lý ngành lĩnh vực thẩm định.

7. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công về việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

8. Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại điểm d Khoản 1, điểm d Khoản 2 và Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

9. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp

tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 4. kê khai giá:

1. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá (bổ sung hoặc bãi bỏ), Sở cơ quan quản lý ngành lĩnh vực thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, xin ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa dịch vụ.

2. Phân công nhiệm vụ: Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này.

3. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này

Cơ quan tiếp nhận kê khai thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

b) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này.

5. Lập và công bố danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ:

1. Sở Tài chính

Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá (*thẩm định giá nhà nước hoặc thuê đơn vị thẩm định giá*) đối với các tài sản hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm, đi thuê hàng hóa dịch vụ tài sản có sử dụng vốn nhà nước hoặc khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị.

Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá (*thẩm định giá nhà nước hoặc thuê đơn vị thẩm định giá*) đối với các tài sản hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm, đi thuê hàng hóa dịch vụ tài sản có sử dụng vốn nhà nước hoặc khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định giá (*thẩm định giá nhà nước hoặc thuê đơn vị thẩm định giá*) đối với các tài sản hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm, đi thuê hàng hóa dịch vụ tài sản có sử dụng vốn nhà nước hoặc khi bán, thanh lý, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển giao tài sản công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 6. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Cơ quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

- a) Sở Tài chính;
- b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường
- c) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Báo cáo giá thị trường định kỳ

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Tài chính báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ, cụ thể:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục lương thực, thực phẩm; vật tư nông nghiệp theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng thép xây dựng; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng thép xây dựng, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục vật liệu xây dựng, chất đốt theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ y tế theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Giao thông vận tải: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục giao thông trên địa bàn tỉnh theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Sở Lao động -Thương binh và Xã hội: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có). Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động lên CPI (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp huyện: Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn huyện quản lý theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục số IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

Tần suất thực hiện báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng, trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

3. Báo cáo giá thị trường đột xuất

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) theo quy định tại Khoản 2 Điều 15, Khoản 1, Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

b) Các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

d) Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 7. Quản lý và cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá:

1. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan: tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập để triển khai tổ chức các hoạt động nhập liệu, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Các sở, ngành, cơ quan đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, nhập liệu, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính; giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu; danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá; thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Các sở, ngành, cơ quan đơn vị cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan đơn vị mình chủ trì tham mưu; danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá; thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan, đơn vị mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập; giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan, đơn vị mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm: Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của Bộ Tài chính; giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu; thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập; giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

a) Sở Tài chính:

Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh:

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch kiểm tra của đơn vị mình gửi Sở Tài chính trước ngày 10/12 năm trước; Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra trước ngày 31/12 hàng năm. Riêng kế hoạch năm 2025, gửi Sở Tài chính trước ngày 10/3/2025 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch trước ngày 31/3/2025.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thủ trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

c) Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2025.

Các Quyết định: Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định một số nội dung về định giá nhà nước đối với tài sản, hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết

định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định một số nội dung về đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định một số nội dung về thẩm định giá trong trường hợp đi mua, thuê tài sản của nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ tại Quyết định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới; cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện việc quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá đối với chức năng, nhiệm vụ mới được giao theo quy định của Quyết định này.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 10 Quyết định;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Lào Cai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT và TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, Các CV, TH1. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



Phụ lục số 01

**Phân công nhiệm vụ các Sở, ngành, UBND cấp huyện
tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn**
(Kèm theo Quyết định số: **06** /2025/QĐ-UBND ngày **20/01/2025**
của UBND tỉnh Lào Cai)



STT	Danh mục hàng hóa dịch vụ bình ổn giá	Cơ quan chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện bình ổn giá
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

Handwritten signature or mark in blue ink.



Phụ lục số 02

**Phân công nhiệm vụ các Sở, ngành, UBND cấp huyện
tổ chức triển khai thực hiện công tác định giá trên địa bàn**

(Kèm theo Quyết định số: 06 /2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025
của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh ban hành văn bản định giá
I	Định khung giá (2)		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
II	Định giá tối đa (6)		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

III	Định giá cụ thể (13)		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ (3)		
1	Nước sạch	- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở Xây dựng	Sở Xây dựng - Nước sạch sinh hoạt đô thị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn.
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể (10)		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	
3.1	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực</i>
3.2	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
4	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

ph

5	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
5.1	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
5.2	<i>Trường hợp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	
7.1	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Xây dựng</i>
7.2	<i>Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i>
8	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	
8.1	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		<i>Sở Giao thông Vận tải</i>

8.2	<i>Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp huyện
9	Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị		
9.1	<i>Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Giao thông Vận tải
9.2	<i>Dịch vụ vận tải hành khách hành lý trên đường sắt đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp huyện
10	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	
10.1	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Xây dựng
10.2	<i>Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã</i>		Ủy ban nhân dân cấp huyện
11	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương	
11.1	<i>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp tỉnh</i>		Sở Công Thương

8

11.2	 Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã		Ủy ban nhân dân cấp huyện
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ (1)		
1	Dịch vụ sử dụng công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

✍

Phụ lục số 03
Phân công nhiệm vụ các Sở, ngành, UBND cấp huyện
tổ chức triển khai thực hiện kê khai giá trên địa bàn
(Kèm theo Quyết định số: 06 /2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025
của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế- kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRUNG ƯƠNG QUY ĐỊNH		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phần		Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LGP)		Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm, phân DAP, phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vacxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng (PL 2 của Luật giá)		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý		Sở Giao thông Vận tải

(Chữ ký)

3	Dịch vụ sử dụng phải được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải
5	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ)	Sở, ngành theo lĩnh vực
7	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn NSNN (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Giao thông Vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông Vận tải
13	Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông Vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi	Sở Y tế
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế

16	Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
18	Dịch vụ viễn thông		Sở Thông tin và Truyền thông
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết) UBND tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong sổ danh mục hàng hóa sau		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch	Sở Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Du lịch	Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Công Thương	Sở Công Thương

✍